Bài giảng 15

Báo cáo thu nhập

Đỗ Thiên Anh Tuấn

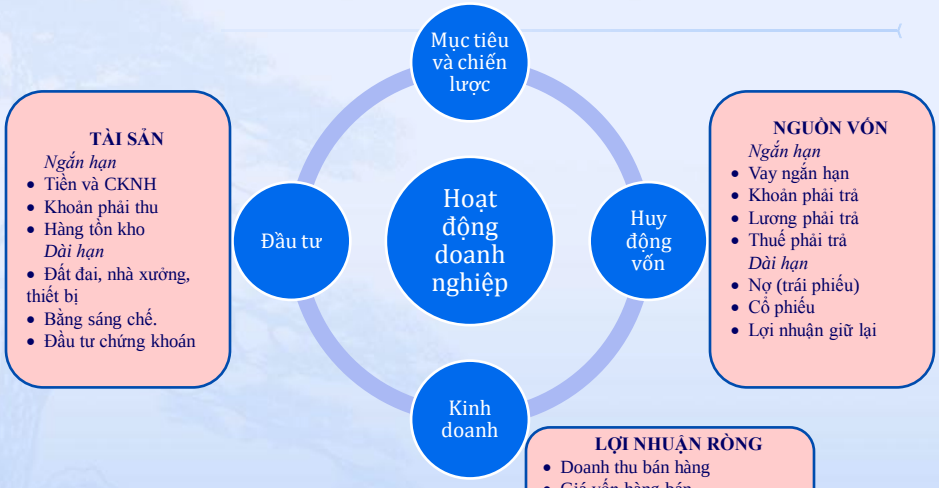
1

Nội dung

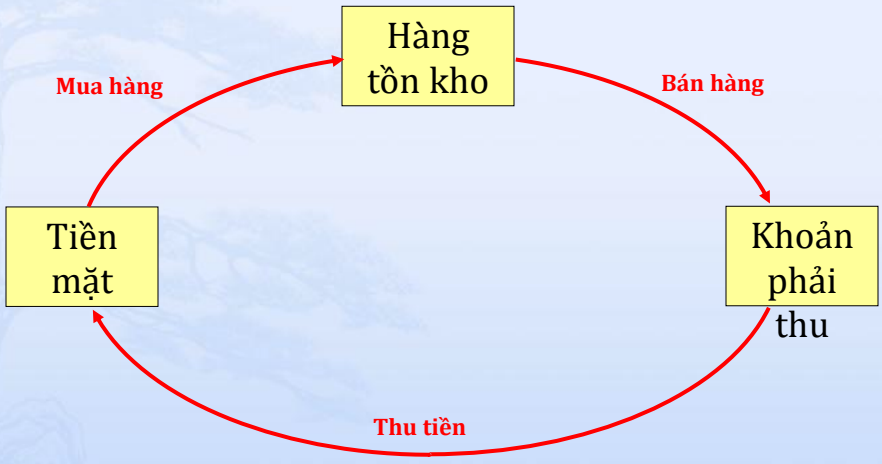
- Những vấn đề chung về báo cáo thu nhập
- Sự hình thành báo cáo thu nhập dưới tác động của các nguyên tắc kế toán
- Phân tích một số chỉ tiêu cấu thành quan trọng của báo cáo thu nhập

2

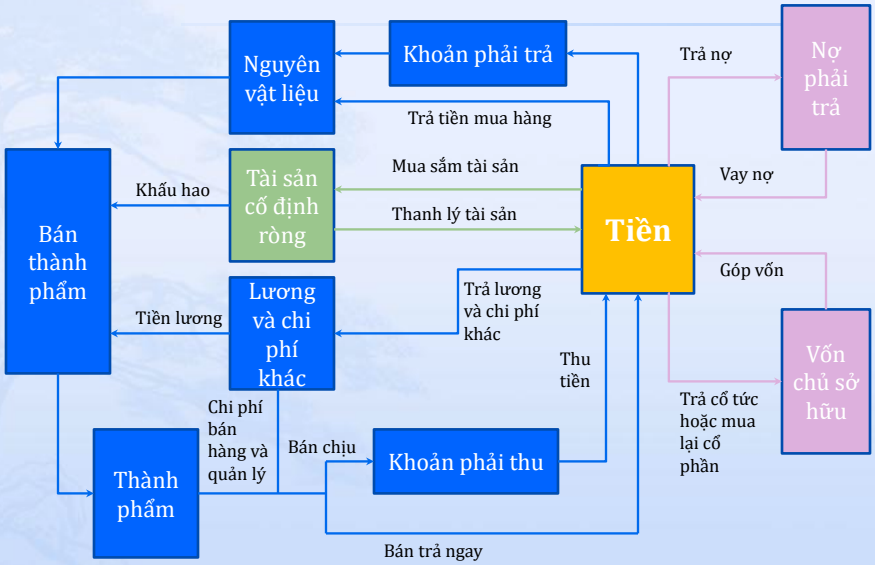
Báo cáo thu nhập và hoạt động kinh doanh



Chu kỳ kinh doanh giản đơn



Chu kỳ kinh doanh phức tạp



Những vấn đề chung về báo cáo thu nhập

- Báo cáo tài chính tổng hợp
- Phản ánh quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trong một khoảng thời gian nhất định
- Lợi nhuận = doanh thu – chi phí



Cấu trúc tóm lược về báo cáo thu nhập

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các khoản giảm trừ doanh thu

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
2. Giá vốn hàng bán
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (=1-2)
4. DT hoạt động tài chính
5. Chi phí hoạt động tài chính
6. Chi phí bán hàng
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [=3+(4-5)-(6+7)]
9. Thu nhập khác
10. Chi phí khác
11. Lợi nhuận khác (=9-10)
12. Tổng lợi nhuận kế tóan trước thuế (= 8 + 11)
13. Thuế TNDN phải nộp
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (=12-13)

Mẫu báo cáo thu nhập của doanh nghiệp
(theo Thông tư 38/2007/TT-BTC)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
4	Giá vốn hàng bán		
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
6	Doanh thu hoạt động tài chính		
7	Chi phí tài chính		
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác		
13	Lợi nhuận khác		
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Mẫu báo cáo thu nhập của tổ chức tín dụng
(theo Thông tư 38/2007/TT-BTC)

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
I	Tổng thu nhập		
II	Tổng chi phí		
III	Lợi nhuận trước thuế		
IV	Lợi nhuận sau thuế		
V	Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật		
1	Trích lập các quỹ: - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ - Quỹ dự phòng tài chính - Các quỹ khác		
2	Sử dụng các quỹ		
VI	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (%)		
VII	Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Ngân hàng.		
VIII	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

9

Báo cáo thu nhập của Công ty cổ phần sữa Việt Nam Vinamilk

	2008	2009	2010	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**8,380,563,000,000**	**10,820,142,000,000**	**16,081,466,183,586**	**22,070,557,490,766**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**171,581,000,000**	**206,371,000,000**	**328,600,184,161**	**443,128,597,657**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**8,208,982,000,000**	**10,613,771,000,000**	**15,752,865,999,425**	**21,627,428,893,109**
4. Giá vốn hàng bán	5,610,969,000,000	6,735,062,000,000	10,579,208,129,197	15,039,305,378,364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2,598,013,000,000**	**3,878,709,000,000**	**5,173,657,870,228**	**6,588,123,514,745**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	264,810,000,000	439,936,000,000	448,530,127,237	680,232,453,133
7. Chi phí tài chính	197,621,000,000	184,828,000,000	153,198,613,988	246,429,909,362
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*26,971,000,000*			
8. Chi phí bán hàng	1,052,308,000,000	1,245,476,000,000	1,438,185,805,872	1,811,914,247,629
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	297,804,000,000	292,942,000,000	388,147,124,772	459,431,997,199
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**1,315,090,000,000**	**2,595,399,000,000**	**3,642,656,452,833**	**4,750,579,813,688**
11. Thu nhập khác	130,173,000,000	143,031,000,000	982,987,168,616	237,226,032,153
12. Chi phí khác		7,072,000,000	374,201,668,313	
13. Lợi nhuận khác	**130,173,000,000**	**135,959,000,000**	**608,785,500,303**	**237,226,032,153**
14. Phần lãi (lỗ thuần) trong công ty liên doanh/liên kết	-73,950,000,000		-234,529,528	-8,813,950,770
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1,371,313,000,000**	**2,731,358,000,000**	**4,251,207,423,608**	**4,978,991,895,071**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	161,874,000,000	361,536,000,000	645,058,588,114	778,588,561,106
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-39,259,000,000	-6,245,000,000	-9,344,103,477	-17,778,374,972
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**1,248,698,000,000**	**2,376,067,000,000**	**3,615,492,938,971**	**4,218,181,708,937**
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	-1,422,000,000	375,000,000	-693,010,209	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**1,250,120,000,000**	**2,375,692,000,000**	**3,616,185,949,180**	**4,218,181,708,937**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7,132	6,769	10,251	7,717

10

Phân tích một số chỉ tiêu tài chính của VNM (phân tích cơ cấu)

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản	2008	2009	2010	2011
Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần	68.35%	63.46%	67.16%	69.54%
Tỷ lệ lãi gộp	31.65%	36.54%	32.84%	30.46%
Tỷ trọng lợi nhuận hoạt động tài chính trong tổng lợi nhuận	4.90%	9.34%	6.95%	8.71%
Tỷ trọng lợi nhuận hoạt động khác trong tổng lợi nhuận	9.49%	4.98%	14.32%	4.76%
Tỷ trọng chi phí hoạt động (bán hàng và quản lý doanh nghiệp)	19.40%	18.59%	14.72%	13.12%

11

Phân tích một số chỉ tiêu tài chính của VNM (phân tích xu hướng)

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.29%	48.42%	37.29%
Giá vốn hàng bán	20.03%	57.08%	42.16%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.30%	33.39%	27.34%
Doanh thu hoạt động tài chính	66.13%	1.95%	51.66%
Chi phí tài chính	-6.47%	-17.11%	60.86%
Chi phí bán hàng	18.36%	15.47%	25.99%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.63%	32.50%	18.37%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	97.36%	40.35%	30.42%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	99.18%	55.64%	17.12%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90.28%	52.16%	16.67%

12

Quan hệ giữa báo cáo thu nhập và bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu

Tổng tài sản = Nợ phải trả + Vốn góp + Lợi nhuận giữ lại

Tổng tài sản = Nợ phải trả + Vốn góp + lợi nhuận giữ lại đầu kỳ + Lợi nhuận ròng trong kỳ – Cổ tức trong kỳ

Tổng tài sản = Nợ phải trả + Vốn góp + Doanh thu trong kỳ – Chi phí trong kỳ – Cổ tức trong

Một số thắc mắc khi đọc báo cáo thu nhập

- Doanh nghiệp hoạt động trong một hay nhiều lĩnh vực khác nhau?
- Doanh thu được ghi nhận như thế nào và vào thời điểm nào? Doanh thu có bị thổi phồng trong báo cáo không?
- Chi phí đã được tính toán như thế nào và vào thời điểm nào? Liệu người ta có báo cáo thấp hơn chi phí thật sự không?

Doanh thu là gì?

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần lắm tăng vốn chủ sở hữu (VAS 14)
- **Nhớ lại**: nguyên tắc thực tế phát sinh và nguyên tắc phù hợp; kế toán theo tiền mặt sv. kế toán thực tế
- Doanh thu được chia thành:
  - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - Doanh thu bán hàng nội bộ
  - Doanh thu hoạt động tài chính

15

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo VAS 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

16

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Theo VAS 14, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

17

Những trường hợp sau có ghi nhận doanh thu không?

- *Trường hợp 1*: Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.
- *Trường hợp 2*: Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắn chắn vì phụ thuộc vào người mua hàng hoá đó.
- *Trường hợp 3*: Hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.
- *Trường hợp 4*: Người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắn chắc về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

18

Khoản nào giảm trừ doanh thu?

- *Chiết khấu thương mại*: Khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- *Giảm giá hàng bán*: Khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- *Chiết khấu thanh toán*: Khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.
- Thuế Giá trị gia tăng?

19

Doanh thu khác với thu

- Thu tiền khách hàng nợ không phải doanh thu:
  - Tăng tiền mặt
  - Giảm khoản phải thu
  - → Không tăng vốn chủ sở hữu
- Thu phát hành cổ phần không phải doanh thu:
  - Tăng tiền mặt và tăng vốn chủ sở hữu
  - Không phải kết quả của giao dịch với khách hàng

20

Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán sv. giá thành sản phẩm
  - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - Chi phí nhân công trực tiếp
  - Chi phí sản xuất chung
- Doanh nghiệp thương mại sv. doanh nghiệp sản xuất
- Hai phương pháp kế toán hàng tồn kho:
  - Phương pháp kê khai thường xuyên:

Trị giá hàng tồn cuối kỳ = trị giá hàng tồn đầu kỳ + trị giá hàng nhập kho trong kỳ - trị giá hàng xuất kho.

  - Phương pháp kiểm kê định kỳ:

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ = trị giá hàng tồn đầu kỳ + trị giá hàng nhập kho trong kỳ - trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

21

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

- Nhập trước xuất trước (FIFO)
- Nhập sau xuất trước (LIFO)
- Bình quân gia quyền (AVCO)
  - Bình quân cả kỳ
  - Bình quân sau mỗi lần nhập, xuất
- Thực tế đích danh

Lưu ý: không liên quan đến thứ tự xuất nhập thực tế hàng hoá mà chỉ là thứ tự giá trị của hàng hoá dùng để tính toán

Với mục tiêu tránh thuế, lựa chọn phương pháp nào có lợi hơn trong thời kỳ lạm phát?

22

Chi phí khấu hao?

- Khấu hao: phần giảm giá trị của tài sản cố định theo thời gian được chuyển thành chi phí trong quá trình tạo ra doanh thu .
- Khấu hao làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận chịu thuế, do đó cũng tạo ra "lá chắn thuế" (taxshield)
- Khấu hao có phản ánh hao mòn thực hay giảm giá trị thực của tài sản?
- Chi phí thời kỳ hay chi phí sản phẩm?

23

Ghi nhận chi phí khấu hao

- Khấu hao là quá trình phân bổ khoản chi phí đầu tư thành chi phí hoạt động trong các kỳ.
- Khấu hao không phải là quá trình định giá lại tài sản.

24

Các phương pháp khấu hao

- Theo thực tế hao mòn hay theo đơn vị
- Theo đường thẳng (SLN)
- Cân bằng giảm dần
- Cân bằng giảm dần kép
- Tổng của số thứ tự các năm

} Khấu hao gia tốc

25

Chi phí khác

- *Chi phí bán hàng*: chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.
  - Chi phí nhân viên
  - Chi phí vật liệu bao bì
  - Khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng
  - Chi phí bảo hành…
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: chi phí quản lý chung của doanh nghiệp
  - Chi phí nhân viên quản lý (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ…)
  - Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng
  - Khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp
  - Thuế, phí, lệ phí (thuế môn bài, tiền thuê đất)…

26

Chí phí khác với chi

- Chi tiền mua hàng nhập kho không phải chi phí:
  - Giảm tiền mặt hoặc tăng khoản phải trả
  - Tăng hàng trong kho
  - → Không giảm vốn chủ sở hữu
- Chi trả cổ tức không phải là chi phí:
  - Giảm tiền mặt và vốn CSH
  - Không phải là giao dịch để tạo ra doanh thu
- Thuế TNDN có phải là chi phí?

27

Doanh thu tài chính

- Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp.
  - Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ…
  - Cổ tức lợi nhuận được chia;
  - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán;
  - Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
  - Lãi tỷ giá hối đoái;
  - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
  - Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
  - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

28

Chi phí tài chính

- Phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
  - **Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;**
  - Lỗ bán ngoại tệ;
  - Chiết khấu thanh toán cho người mua;
  - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
  - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
  - Lỗ tỷ giá hối đoái doanh đánh giá lại cuối năm tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
  - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

29

Chi phí lãi vay và khấu hao

- Khấu hao: thực chi? dòng tiền vào?
  - Khấu hao nhanh sẽ tốt hơn?
- Lãi vay: thực chi? dòng tiền ra?
- Tác dụng chắn thuế (taxshield)
  - Vay nợ càng nhiều sẽ tốt?

30

Các khoản thu nhập khác

- Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:
  - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
  - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
  - Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
  - Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước;
  - Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
  - Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
  - Các khoản thu khác.

Các khoản chi phí khác

- Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.
  - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ;
  - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
  - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
  - Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
  - Các khoản chi phí khác.

Xác định thu nhập chịu thuế

- Thu nhập chịu thuế là thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế = Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế - Chi phí hợp lý trong kỳ + Thu nhập chịu thuế khác trong kỳ tính thuế

- Thu nhập miễn thuế?
- Chi phí hợp lý?

Lợi nhuận doanh nghiệp

- Lợi nhuận gộp (gross profit) = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận kế toán sv. lợi nhuận tính thuế
- Lợi nhuận ròng (net profit) = Lợi nhuận trước thuế - Thuế TNDN
- Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) = Lợi nhuận trước thuế + Lãi vay
- Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) = EBIT + Khấu hao (hữu hình, vô hình)
- Lợi nhuận hoạt động ròng (NOPAT) = EBIT*(1- Thuế suất thuế TNDN)

Phân phối lợi nhuận

- Bù lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008
- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
- Chia lãi cho thành viên góp vốn liên kết
- Bù đắp khoản lỗ năm trước đã hết hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập
- Trích lập các quỹ (quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi…)

35

Phân phối lợi nhuận: doanh nghiệp

Công ty cổ phần Vinamilk

- Quỹ đầu tư phát triển: 10% LNST
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% LNST
- Quỹ dự phòng tài chính: 5% LNST (tối đa 10% vốn điều lệ)

Công ty cổ phần FPT

- Quỹ đầu tư và phát triển: không trích lập từ 2006
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% LNST (đến khi đủ 10% vốn điều lệ)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 10% LNST

36

Phân phối lợi nhuận: ngân hàng

- Ngân hàng cổ phần (Eximbank)
  - Quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5% LNST (tối đa bằng vốn điều lệ)
  - Quỹ dự phòng tài chính: 10% LNST còn lại sau khi trích quỹ bổ sung vốn điều lệ (tối đa 25% vốn điều lệ)
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi: Đại hội cổ đông quyết định
  - Các quỹ khác: Đại hội cổ đông quyết định
- Tổ chức tín dụng nhà nước (Nghị định 146/2005/NĐ-CP)
  - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5%
  - Quỹ dự phòng tài chính: 10%
  - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ: 50%
  - Còn lại => Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành
  - Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: tối đa không quá ba tháng lương thực hiện
  - Còn lại bổ sung quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ

Lợi nhuận trên một cổ phần (EPS)

$$\text{Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ}}$$

- *Trong đó*:

Lợi nhuận/lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông = Lợi nhuận/lỗ sau thuế TNDN + Tổng số điều chỉnh tăng – Tổng số điều chỉnh giảm

$$\text{Số lượng CP bình quân lưu hành trong kỳ} = \text{Số cổ phiếu đầu kỳ} + \frac{\text{Số lượng CP phát hành thêm trong kỳ} \times \text{Số ngày lưu hành trong kỳ}}{\text{Tổng số ngày trong kỳ}} - \frac{\text{Số lượng cổ phiếu mua lại trong kỳ} \times \text{Số ngày được mua lại trong kỳ}}{\text{Tổng số ngày trong kỳ}}$$

Một vài câu hỏi thảo luận?

- Tại sao nhà kế toán đóng các tài khoản doanh thu và chi phí vào cuối mỗi kỳ kế toán?
- Phân biệt giữa doanh thu và thu tiền mặt. Trong những điều kiện nào thì hai đại lượng này là như nhau?
- Phân biệt giữa chi phí và chi tiền mặt. Trong những điều kiện nào thì hai đại lượng này là như nhau?
- Nếu công ty đã ghi chép đúng đắn từng giao dịch xảy ra trong kỳ kế toán, tại sao vẫn cần có các mục điều chỉnh vào cuối kỳ?
- Giải thích: "*Dòng ngân lưu xác định số tiền của doanh thu và chi phí nhưng không xác định thời điểm ghi nhận chúng*."
- Giải thích: "*Phương pháp kế toán theo thực tế phát sinh chú trọng vào việc sử dụng tài sản, chứ không phải việc tài trợ cho tài sản*."
- Tại sao các công ty xây dựng thường áp dụng phương pháp doanh thu theo tỷ lệ hoàn thành để lập báo cáo thu nhập?

39